**Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia: “Nghiên cứu xây dựng và áp dụng quy trình điều phối ghép tạng tại Việt Nam”, mã số: KC.10.38/16-20**

Thuộc chương trình: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, mã số KC.10/16-20.

Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS.TS. Trịnh Hồng Sơn

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người, Bộ Y tế.

Tổng kinh phí thực hiện: 8.000 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 8.000 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

| TT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | GS.TS. Trịnh Hồng Sơn | Chủ nhiệm đề tài | Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người |
|  | ThS. Lê Thị Kim Nhung | Thư ký khoa học | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Hoàng Giang | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Nguyễn Thành Khiêm | Thành viên chính | Bệnh viện Bạch Mai |
|  | TS. Phùng Duy Hồng Sơn | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Phạm Gia Anh | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Bùi Trung Nghĩa | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Nguyễn Tuấn Anh | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | TS. Ninh Việt Khải | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Ngô Thị Huyền | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | CN. Vũ Thị Hồng Vân | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Cao Mạnh Thấu | Thành viên chính | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức |
|  | ThS. Nguyễn Hoàng Phúc | Thành viên chính | Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người |
|  | ThS. Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên chính | Trung tâm Điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người |

1. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu: **Tháng 03/2021**, tại Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
2. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

2.1. Về sản phẩm khoa học:

2.1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| **I** | **Xác định nhu cầu ghép tạng** |
| 1 | Xác định nhu cầu ghép thận (Số lượng người bệnh: 8.300) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 2 | Xác định nhu cầu ghép gan (Số lượng người bệnh: 400) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 3 | Xác định nhu cầu ghép tim (Số lượng người bệnh: 100) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 4 | Xác định nhu cầu ghép phổi (Số lượng người bệnh: 50) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 5 | Xác định nhu cầu ghép tụy (Số lượng người bệnh: 50) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 6 | Xác định nhu cầu ghép ruột (Số lượng người bệnh: 50) | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| **II** | **Xây dựng quy trình điều phối ghép tạng phù hợp với điều kiện Việt Nam** |
| 7 | Xây dựng các quy định, quy trình điều phối đối với người hiến | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 8 | Xây dựng quy định về chức năng, nhiệm vụ của điều phối viên người nhận | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 9 | Xây dựng các quy định, quy trình điều phối đối với các cơ sở ghép tạng | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 10 | Xây dựng các quy định, quy trình điều phối tại trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 11 | Thực hiện công tác điều phối ghép tạng phù hợp với điều kiện Việt Nam | X |  |  | X |  |  | X |  |  |
| 12 | Hoàn thiện quy trình điều phối ghép tạng phù hợp với điều kiện Việt Nam | X |  |  | X |  |  | X |  |  |

2. 1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Các quy định, quy trình điều phối đối với người hiến | 2021 | Trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia và 19 trung tâm ghép của cả nước |  |
| 2 | Quy định về chức năng, nhiệm vụ của điều phối viên người nhận | 2021 | 19 trung tâm ghép của cả nước |  |
| 3 | Các quy định, quy trình điều phối đối với các cơ sở ghép tạng | 2021 | 19 trung tâm ghép của cả nước |  |
| 4 | Các quy định, quy trình điều phối tại trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia | 2021 | Trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia |  |

3. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

* Quy trình đánh giá nhu cầu ghép tạng, danh sách chờ ghép quốc gia của Việt Nam khẳng định hệ thống điều phối ghép tạng Việt Nam sánh ngang trình độ các nước tiên tiến và một số nước trong khu vực.
* Đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong việc tuyên truyền, vận động người hiến tạng.

4. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

4.1. Hiệu quả kinh tế

* Đối với các cơ sở y tế ứng dụng kết quả nghiên cứu: Khi ứng dụng kết quả nghiên cứu các cơ sở y tế sẽ sàng lọc được bệnh nhân có chỉ định ghép tạng, các trung tâm ghép sẽ có thêm nguồn tạng ghép từ quy trình điều phối.
* Tăng nguồn hiến tạng, giải quyết vấn đề khan hiếm tạng hiện nay tại Việt Nam, từ đó tăng hiệu quả kinh tế (một ca chất não có thể hiến cho 7 – 8 người nhận). Người bệnh được ghép thận sau năm năm có tổng chi phí rẻ hơn và chất lượng cuộc sống cao hơn so với người bệnh chạy thận nhận tạo.

4.2. Hiệu quả xã hội

* Kết quả nghiên cứu sẽ ứng dụng trong các cơ sở y tế giúp cho nhiều bệnh nhân có chỉ định ghép tạng có cơ hội lớn được ghép tạng.
* Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân
* Hạn chế và tiến tới đầy lùi nạn buôn bán tạng đang diễn ra rất phức tạp trong thời gian qua.

**5.** Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

5.1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | [x]  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

5.2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [x]

 *- Đạt* [ ]

 *- Không đạt* [ ]

Giải thích lý do:

* Số lượng, khối lượng sản phẩm đạt và vượt mức yêu cầu.
* Chất lượng sản phẩm đạt và vượt mức yêu cầu.
* ***Nguồn: Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước***